

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI DUY MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI DUY MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703226334

**3. Ngày thành lập:** 16/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

126 Đường Khánh Bình 06, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0906916110

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn các loại sơn nước, sơn dầu, bột trét tường, thiết bị trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, nguyên liệu gỗ, sản phẩm gỗ. (trừ hoạt động bến thủy nội địa) | 4663        |
| 2.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710        |
| 3.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730        |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: vận tải hành khách bằng ô tô, mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                              | 4931(Chính) |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4932        |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 7.  | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5224        |
| 8.  | Đóng tàu và cầu kiện nổi<br>Chi tiết : đóng tàu thủy (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                                    | 3011        |
| 9.  | Điều hành tua du lịch<br>(chỉ hoạt động lữ hành quốc tế sau khi có giấy phép của Tổng cục du lịch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7912        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5229        |
| 11. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3315        |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4101        |
| 14. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Dịch vụ thiết kế trang web                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6312        |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4102        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4211        |
| 17. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6202        |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4221        |
| 19. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4229        |
| 20. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4292        |
| 21. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4293        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN DUY MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/07/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052076008191

Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 862 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí  
Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 126 Đường Khánh Bình 06, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên,  
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN DUY MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/07/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052076008191

Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 862 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí  
Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 126 Đường Khánh Bình 06, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân  
Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương